

Phụ lục: Danh mục vật tư lấy báo giá vật tư cơ điện định kỳ quý II/2026 (Vật tư ngoài ngành) chào lần 2

Kèm theo công văn số:/DNA-TTV ngày/5/2026

Đơn hàng mua sắm 1: Mặt băng tải, vật tư nối băng tải các loại									
STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
1	Mặt băng tải chịu mài mòn	B1000x4EP200x(6.5+1.5)x14mm	Máy dỡ liệu A-01YH1S001		Mét	90			
2	Mặt băng tải chịu mài mòn	B1000x4EP300x(7+2)x15mm	Băng tải quặng tinh NC.01.Bc501		Mét	70			
3	Mặt băng tải chịu mài mòn	B1000x4EP300x(7+3)x16mm	Băng tải quặng tinh NC.02.BC201		Mét	600			
4	Mặt băng tải chịu mài mòn	B1000x4EP500x(8+4)x18mm	Băng tải quặng tinh NC.02.BC301		Mét	870			
5	Mặt băng tải chịu mài mòn	B500x4NN200x(4.5+1.5)x12mm	Băng tải thải xỉ C-03R1S002		Mét	200			
6	Mặt băng tải chịu mài mòn	B650xEP400/4x(7+4)x15mm	Băng tải NC.01.BC401, NC.01.BC701		Mét	168			
7	Mặt băng tải chịu mài mòn	B800x4EP200x(4.5+1.5)x12mm	Băng tải A-16YH1S027, Băng tải A-18YH1S004		Mét	150			
8	Mỗi dán băng tải	Dùng cho băng tải bố vải B1000; 1 mỗi bao gồm: 3 lít keo dán lưu hóa, 1.5 mét cao su non (1mm) 1.2 mét cao su non (2mm)	Phục vụ dán băng tải NC.01.BC401; BC701; BC501; NC.02.BC201; NC.02.BC301; Máy dỡ liệu A-01YH1S001		Mỗi	12			
9	Mỗi dán băng tải bố thép B1000	Bao gồm: Cao su dán mỗi loại 2100x1100x5mm: 01 tấm; Cao su dán mỗi loại 2100x1100x2,5mm: 01 tấm; keo lỏng: 04 lít; keo MG: 0,7 lít	Phục vụ dán mặt băng tải NC.03.BC01		Mỗi	10			
10	Kích thủy lực	Tải trọng: 5 tấn; Chiều cao chưa nâng: 153 mm; Hành trình nâng: 100mm; MH-5	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng các khu vực		Cái	1			
11	Bộ đánh lửa điện tử	Part number: I/500115; Lắp đặt cho hòa quang kế Jenway PFP7	Hòa quang kế D-27YH1S023a		Cái	1			
12	Đầu phun (Bộ kiểm soát thu mẫu dạng sương)	Part number: I/500019; Lắp đặt cho hòa quang kế Jenway PFP7	Hòa quang kế D-27YH1S023a		Cái	1			
13	Máy đo pH để bàn	Dải đo pH: -2.000-16.000; Độ phân giải pH: 0.001 pH; Độ chính xác pH: ±0.01 pH, ±0.002 pH; Hiệu chuẩn pH: 5 điểm; - Nguồn điện: Nguồn 5 VDC; HI2202-02 (bluetooth edge)	Máy đo PH B-07R1S007a		Cái	1			
14	Ống đốt TC	P/N: S638-41325-01; Lắp đặt cho máy phân tích cacbon hữu cơ (TOC) Shimazu TOC L SSM-5000A	Máy đo tổng hàm lượng các bon hữu cơ TB.NCPHN.03		Cái	1			
15	Thanh chống thủy lực	Loại 16-2 016 24125, lắp đặt cho máy nghiền mịn Model Pulverisette 9	Máy nghiền chấn động kínC0602999a		Cái	2			
16	Thấu kính	MAZ2011 Wet measurement cell windows and Viton seals (2-off); Lắp cho máy phân tích cỡ hạt Mastersizer 3000	Máy phân tích cỡ hạt D-27YH1S024		Bộ	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
17	Bộ chuyển mạch	C9300-24S-E; Catalyst 9300 24-port 1G SFP with modular uplinks, Network Essentials	Tủ mạng B-11DX1S0001		Cái	1			
18	Bộ chuyển mạch	FL Switch SFN 6TX/2FX	Tủ PLC TK-PLC-#1 phòng điều khiển trung tâm		Cái	1			
19	Công tắc hành trình	WLCA12; 1NO+1NC	Lồng che chắn bằng tải thái xi 1,2,3; bằng tải cấp than 1~8		Cái	11			
20	Đồng hồ đo áp suất	Dải đo 0-50 kPa; Ø100mm; Vật liệu vỏ SUS304; ren ngoài M20x1.5mm; độ chính xác ±1.6%FS; P620	Quạt ID A-18YH1S015		Cái	1			
21	Máy tính để bàn	Dell Tower ECT1250; CPU Intel Core Ultra 5-225 (20MB; Up to 4.9GHz); RAM 16GB DDR5 5600MHz (1x16GB), SSD 512GB M.2 PCIe NVMe; VGA Intel Graphics; Wi-Fi; Bluetooth; OS Windows 11	Tủ đo lường 110kV B-11DG1S004d; Hệ thống SCADA B-11DG1S004e		Cái	2			
22	Pin C300	TDI P/N 143553, 3.6V, 2200mAH	B-011-IP0101, B-011-IP0111, B-012-IP0121, B-013-IP0131		Cái	4			
23	Biến tần	M300-022 00075A; 200-240V; 1.5kW; Lắp đặt đồng bộ với máy nghiền mịn Model Pulverisette 9 serial máy: 09.5000/03062	Máy nghiền chấn động kín MMTB19		Cái	1			
24	Biến tần	VACON0100-3L-0016-5+FBIE; 380VAC; 7.5kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Tủ biến tần A-10-S010A-BPG-1; Tủ biến tần A-15-S055A-GGD-1		Cái	2			
25	Biến tần	VACON0100-3L-0023-5+SRBT; 380VAC; 11kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Tủ biến tần A-05-S013C-BPG-1		Cái	1			
26	Biến tần	VACON0100-3L-0205-5+IP00; 380VAC; 110kW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Tủ biến tần A-13-S022A-GGD-1		Cái	1			
27	Biến tần	VACON0100-3L-0310-5+IP00+EMC2; 380VAC; 160KW; đi kèm bộ kit VACON-PAN-HMDR-MK01-2M	Tủ biến tần A-15-S057A-GGD-1		Cái	1			
28	Bóng đèn led	TR140NĐ1/50W; 220V; 50W; E27	HTCSA-01, A-02, A-04, A-05, A-06		Cái	50			
29	Bộ bóng đèn led	250W; 220VAC; CP07/250W	Sửa chữa chiếu sáng công bảo vệ ra trạm cân 120t		Cái	38			
30	Công tắc tơ	95A; 3P; 1NO+1NC; cuộn hút 380VAC; CJX2-9511	Cầu trục B-02R1S012a		Cái	3			
31	Công tắc tơ	A145-30-11; Ue=660-690v; Ui=1000v, Ith=250A, Ucuộn hút=220V; Bao gồm 2 tiếp điểm phụ CAL18-11, Ui=690V, Ith=16A	Thay công tắc tơ tủ biến tần bằng tải NC.03.BC02		Cái	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
32	Công tắc tơ	LC1D1210; 3P; 25A; 1NO+1NC; điện áp cuộn hút 24VDC; Bao gồm tiếp điểm phụ	Tủ điện khu vực D-11		Cái	6			
33	Domino	60A; 4P; HYT-604	Sửa chữa hệ thống điện máy tiện ngang D-17J1S010; Cầu trục 2 dầm D-17J1S001		Cái	8			
34	Đầu cos nối	SL8; vật liệu đồng	Sửa chữa các động cơ điện tại phân xưởng		Cái	54			
35	Đầu cos pin rỗng đôi	TE1508; 1.5mm2; 100 cái/bịch	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Bịch	2			
36	Đồng hồ đa năng	Elite 440; tần số 50/60Hz ± 5%; Tín hiệu dòng 1-5A; tín hiệu điện áp 57.7-240VAC; Nguồn cấp 80-300V AC/DC 8VA, 4W	Tủ phân phối điện cao áp D-12DG1S001.01~27		Cái	10			
37	Hộp đấu nối	SG-TB-12PT; kèm theo vít chân đế, 4 ốc siết cấp PG	Thay hộp đấu nối BC01		Cái	45			
38	Hộp đấu nối	SG-TB-24PT; kèm theo vít chân đế, 4 ốc siết cấp PG	Thay hộp đấu nối BC01		Cái	12			
39	Khởi động mềm	MCD60527BT5S2X00CV2; 380VAC; 250kW; 527A	Tủ khởi động mềm A-10-S013A-GGD-1; Tủ khởi động mềm A-10-S013b-GGD-1		Cái	2			
40	Khởi động mềm	PSS50/85-690L, Ue=360-690V; Ie=50A; Ua=220-240AC, 50HZ	Tủ nguồn DK băng tải NC.01.BC201~301		Cái	2			
41	Máy cắt	MVS208H3NW2AH-OF; 3P; 800A	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Cái	2			
42	Máy cắt	Schneider Type: CVX7/72788; Ref: CVX7/061303/00070; Ur = 7,2Kv; Ie=400A; f=50/60Hz; Ibb=25KA; điện áp điều khiển 110-250VDC 110-240VAC; kèm chân đế di chuyển	Thay thế máy cắt bơm tuần hoàn NC.01.PU202		Cái	1			
43	MCB	RKP 3A; 1P+N; 30mA; 4.5kA	Băng tải A-18YH1S003		Cái	2			
44	MCCB	ABB SACE Tmax 10A; 3P; 690V	Thay MCCB tủ phân phối băng tải NC.03.BC02		Cái	1			
45	Nút nhấn	XA2EA31; 1NO; Ø22mm; màu xanh	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Cái	2			
46	Nút nhấn	XA2EA41; 1NO+1NC; Ø22mm; màu đỏ	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Cái	2			
47	Nút nhấn	XA2EA51; Ø22mm; 1NO+1NC; màu vàng	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Cái	2			
48	Nút nhấn	XA2ES542; Ø22mm; 1NO+1NC	Tủ điện hạ thế A-13DD1S002.01~31		Cái	2			
49	Rơ le trung gian	RXM2LB2B7; 24VAC; 6A; 8 chân; bao gồm chân đế	Máy đóng bao A-19YH1S013A, B, C, D		Cái	44			
50	Rơ le trung gian	RXM4LB2BD; 24VDC; 3A/250VAC; bao gồm chân đế	Bơm nước thô P3, P4		Cái	7			
51	Tay lấy điện (Chổi than liên giá đỡ)	SDHJ-II500A	Máy rải liệu A-01YH1S002		Cái	2			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
52	Tay lấy điện (chổi than liên giá đỡ)	SDHJ-III 500A	Thay tay lấy điện động lực máy dỡ liệu A-01YH1S001		Cái	16			
53	Tay trang điều khiển	QT5-400/953; bao gồm: cơ cấu di chuyển 4 hướng+2 hướng, 4 cấp tốc độ	Cổng trục B-02R1S011b		Cái	2			
54	Động cơ liên hộp giảm tốc	TKAF88-Y3-4P-126.91-M1-II-B-X; N=3kW; i=126.91; bao gồm động cơ YE3-100L2-4-TR88-14; 3kW; 380V	Máy đóng bao A-19YH1S013		Cái	1			
55	Hộp giảm tốc	H4RV16B; P=55kW; n1=1480v/ph; n2=5.17v/ph	Bồn kết tinh giai đoạn I A-13YH1S001a		Cái	1			
56	Hộp giảm tốc	KCL87-YVP15-14.11-K-B4; Lắp đặt cho hộp giảm tốc HC2-h-H-10-A-KCL87-YVP15-302-K-B4, N=15kW	Hộp giảm tốc phụ máy lọc đai ngang A-14YH2S001b		Cái	1			
57	Hộp giảm tốc	LPB272-II; 7.5kW; n1=970v/ph; n2=51v/ph	Bồn bã lọc A-11YH1S006a		Cái	1			
58	Hộp giảm tốc	N=7.5kW; Bao gồm 01 hộp giảm tốc cấp 1 31MX245D00 và 01 hộp giảm tốc cấp 2 31MX758D03; Lắp đặt cho hộp giảm tốc FISmidth MX2000A-3	Thay thế hộp giảm tốc bàn cào bồn lắng 2 A-08YH1S002		Cái	1			
59	Đầu đấm cao su	165x165x10mm, lỗ bu lông Ø16mm khoảng cách 130mm. Cao su Ø130x2000mm	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cái	4			
60	Đầu đấm cao su	250x250x10mm, lỗ bu lông Ø20mm khoảng cách 200mm. Cao su Ø200x300mm	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cái	10			
61	Keo dán băng tải	SC4000; bao gồm chất đông cứng ER42	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Hộp	2			
62	Khớp nối	BIPEX BWN 142	Khớp nối động cơ, hộp giảm tốc bồn kết tinh giai đoạn 2		Bộ	2			
63	Nối thẳng	Ø28x1.2mm; có vít vặn 2 đầu; Vật liệu SUS304	Dây nguồn van V28 (3); Van xả xi lò sinh khí số 1 (4)		Cái	7			
64	Lọc thủy lực	Ø42x220mm	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01, 02		Cái	2			
65	Van bán cầu lệch tâm (van điều tiết)	DN250; PN16; CF8M; PQ940Y-16R; không bao gồm phần điều khiển	Van điều tiết van V65a,d bồn kết tinh #16, #17		Cái	2			
66	Van bướm	DN150; PN16; Vật liệu hợp kim nhôm; V2FS150SN; kèm bộ truyền động khí nén CP 101, 2-8bar, -20-80°C	Máy đóng bao A-19YH1S013		Cái	2			
67	Van góc	DN350; PN16; WCB; Fb645Y-16C; Không bao gồm phần điều khiển	Thay thế van khí động xả liệu Máy lọc đĩa A-14YH1S001a,b		Cái	2			
68	Bộ điều khiển van	ZC45-18/40W; n=18v/ph; 450N.m; 0.75kW, 380VAC; kèm bộ trợ lực	Van xả xi lò sinh khí số 1; Bunker xi B-03R1S005		Cái	3			
69	Lốp xe	9-14.5 14PR; không bao gồm săm	Xe nâng người		Cái	2			
70	Bộ bơm hơi khí nén	Lắp cho xe nước Maz 6312B5-8475-740P1/TUP-PN	Xe tưới nước MAZ		Bộ	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
71	Bộ côn lai quạt	CS40A195	Xe ISUZU KV600		Bộ	1			
72	Bộ thắng	06430-GCE-305, Xe Honda Blade	Xe lấy mẫu D-27QLCL014		Bộ	3			
73	Gioăng nắp máy	Theo mã động cơ: ISUZU JE493ZG5; 1 bộ cho cả động cơ	Xe ISUZU KV600		Bộ	1			
74	Giương cầu	Lắp cho xe quét đường ISUZU	Xe ISUZU KV600		Bộ	1			
75	Lốp xe	2.50-17	Xe lấy mẫu D-27QLCL014		Cái	6			
76	Lốp xe	2.75-17	Xe lấy mẫu D-27QLCL014		Cái	6			
77	Săm xe	12.00R20; bao gồm săm, yếm	Lắp cho xe MAZ		Cái	2			
78	Săm xe	2.50-17 (2.25/2.50-17)	Xe lấy mẫu D-27QLCL014		Cái	9			
79	Săm xe	2.75-17 (2.75/3.00-17)	Xe lấy mẫu D-27QLCL014		Cái	9			
80	Săm xe	7.00R16	Xe ISUZU KV600		Cái	2			
81	Tay đèn	1004110-L20PA	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
82	Van xả nước bình hơi	Lắp cho xe nước Maz 6312B5-8475-740P1/TUP-PN	Xe tưới nước MAZ		Cái	6			
83	Bộ cầu chì	Lắp cho Xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 04		Cái	1			
84	Bộ cầu xe	Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B 0.83m3 (bao gồm: vỏ cầu, bánh răng dẫn động)	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Bộ	1			
85	Bộ cụm phanh	Lắp đặt cho xe xúc lật Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01/02		Bộ	4			
86	Bộ dây điện	Lắp cho Xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 04		Bộ	1			
87	Bộ dây điện	Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B 0.83m3	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Bộ	1			
88	Bộ đèn	12V; 3.5kW; QDJ1409E	Phục vụ công tác sửa chữa xe nâng XN03		Cái	1			
89	Bộ lọc gió	Lắp cho Xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 02		Cái	1			
90	Bộ thắng xe nâng	1 bộ bao gồm: 01 heo thắng chính Ø19x137mm; 02 heo thắng phụ (Piston Ø28x30mm; xi lanh heo L = 77mm); 02 bộ má phanh 292x63x3mm; 02 cụm chi tiết phụ (bao gồm: Ống dẫn chốt hãm; lò xo kéo; tăng đơ; thanh hãm tăng đơ...); Lắp cho xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 02		Bộ	3			
91	Bộ vô lăng và trục tay lái	Lắp cho Xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 02/04		Bộ	2			
92	Bô xả	Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01/02		Cái	2			
93	Bơm thủy lực	CBGQ2050; Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B 0.83m3	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Cái	1			
94	Ca bin	Thông số theo xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Bộ	1			
95	Các đăng	Thông số theo xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Bộ	3			
96	Còi điện	24V; Lắp đặt cho xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01/02		Cái	2			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
97	Gioăng nắp đàn cò	Lắp cho động cơ Quanchai QC490GP	Xe nâng Lonking FD20 02/04		Cái	2			
98	Gioăng nắp máy	Lắp cho động cơ: WEICHAH 50kW, 2400v/ph; bao gồm: gioăng nắp đàn cò, gioăng nắp máy, gioăng các te, gioăng bơm nước, gioăng mặt hông	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Bộ	1			
99	Gioăng nắp máy	Lắp cho động cơ: YTR4105; bao gồm: gioăng nắp đàn cò, gioăng nắp máy, gioăng các te, gioăng bơm nước, gioăng mặt hông	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Bộ	1			
100	Heo đầu thắng chính	Jasin 18D4A	Xe nâng Lonking FD20 02		Cái	1			
101	Két nước	Thông số theo xe nâng Lonking FD20	Thay thế két nước cho xe nâng XN-01		Cái	1			
102	Két nước	Lắp đặt cho xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Cái	2			
103	Kính chiếu hậu	18x32cm	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Cái	4			
104	Mâm ép côn	Ø175xØ275mm; Loại 3 chấu	Xe nâng Lonking FD20 04		Cái	1			
105	Mô tơ+chổi gạt mưa	24V; 50W	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02/01		Cái	2			
106	Phao báo dầu	524W7-12001; Lắp cho xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 02,04		Cái	2			
107	Séc măng	Ø102mm; bộ gồm 3 cái (2 séc măng khí, 1 séc măng dầu)	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Bộ	4			
108	Séc măng	Ø90mm; lắp cho động cơ QUANCHAI Model QC490G	Xe nâng Lonking FD20 02		Bộ	4			
109	Séc pô thắng	Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B 0.83m3	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02/01		Cái	4			
110	Taplo	Thông số theo thông số xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Cái	1			
111	Van an toàn	M16x1.5; Vật liệu đồng, áp suất đặt: 8kg/cm2; Lắp cho xe xúc lật Lonking LG8025B 0.83m3	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01/02		Cái	2			
112	Bậc lên xuống dưới (trái+phải)	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Bộ	1			
113	Bậc lên xuống trên (trái+phải)	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Bộ	1			
114	Bi chữ thập	39x118; EQ 140	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	3			
115	Bi chữ thập	GU-800; 27x62	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
116	Bi treo các đặng	YD002201031	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
117	Bốt lái	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
118	Bộ chia thủy lực	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Bộ	1			
119	Dây ga cần cầu	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Sợi	1			
120	Lốc lạnh	(GY5H14) 2431107980	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
121	Turbo tăng áp	E04011118100A	Xe cầu Thaco olin 700A		Cái	1			
122	Van xả nước bình hơi	Theo xe cầu Thaco hiệu Olin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco olin 700A		Cái	4			
123	Về chắn lốp trước (trái+phải)	Theo xe cầu Thaco hiệu Olin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco olin 700A		Bộ	1			
124	Camera	HAC-HFW2802TU-Z-A-DP	Thay thế (4) mờ, chặm khu vực C01		Cái	11			
125	Đầu ghi hình	DHI-NVR608H-64-XI; 64 kênh 2U 8HDD; Băng thông tối đa 1024Mbps; Đầu ra 4 HDMI+2 VGA; Chuẩn nén Smart H.265+/H.265/Smart H.264+/H.264/MPEG4/MJPEG; độ phân giải: 32MP/24MP/16MP/12MP/8MP/6MP/5MP/4MP/3MP/1080p/960p/720p/D1/CIF; Nguồn cấp: 100-240VAC, 50/60 Hz	Lắp đặt bổ sung camera cho các khu vực C01		Cái	1			
126	Đầu ghi hình	NVR7816-4KS3: 16 kênh 2U 8HDDs 4K & H.265 Pro; Băng thông đến tối đa 320 Mbps; Hỗ trợ video đầu ra 4K 3840x2160; 1920x1080; 1280x1024; 1280x720; Đầu ra 2 HDMI; 2 VGA; Đầu vào tương đồng VGA1/HDMI1; VGA 2/HDMI2 đầu ra tương đồng và VGA 1/HDMI1 và VGA2/HDMI2; Chuẩn nén Thông minh H.265 +/H.264 +/H.265/H.264/MJPEG thông minh; H.265 tự động chuyển đổi; Hỗ trợ 8 ổ cứng (Max 80TB); Hỗ trợ eSata; Nguồn cấp: 12VDC	Tủ camera A-041-IB0001		Cái	1			
127	Ổ cứng	15K HDD v6, 900GB SAS, ST900MP0006	Tủ mạng D-27DX1S001		Cái	4			
128	Bo mạch	CJ 2424; 94V-0	Khu vực B-03		Cái	1			
129	Bộ sấy động cơ	Dạng dây quấn, 4 sợi: 2200x30mm, 260W, 220V	Bảo dưỡng động cơ bơm huyền phù A-04YH1S006a,b		Cái	4			
130	Cầu chì	12V; 30A; dạng hộp ngắn	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
131	Cầu chì	12V; 40A; dạng hộp ngắn	Xe ISUZU KV600		Cái	2			
132	Cầu chì	12V; 60A; dạng hộp ngắn	Xe ISUZU KV600		Cái	2			
133	Gói đỡ cách điện thanh cái	Ø85x105x165x140mm; thanh đồng; dùng cho cấp điện áp 6kv; vật liệu epoxy đúc nguyên khối	Sửa chữa tủ máy cắt bơm tuần hoàn NC.01.PU202		Cái	6			
134	Hộp giặt dây	G D-04; U:12; 24; 36 VDC; I: 5; 0.5; 0.2 A; IP65	Bảng tải số 7,8 B-02R1S007, S008		Cái	2			
135	Hộp nối ray điện	314x271x98x45mm; nối thanh ray điện 30x45x6000mm; 500A	Thay thế Hộp nối ray điện máy rải liệu A-01YH1S002		Cái	10			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
136	Máy cắt	CEMCS-12/630-20; 630A; nguồn cấp điều khiển: 220VDC	Tủ tụ bù trung thế D-12DG1S002(a~b)		Cái	1			
137	Pin	Lithium; 60V; 100Ah	Thay bình điện cho xe điện XĐTK-01		Cái	1			
138	Rơ le	JD1329 3735080-L20PA; 12V; 30A	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
139	Rơ le	JD1329 3735080-L20PA; 12V; 40A	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
140	Rơ le	JD1329 3735080-L20PA; 12V; 50A	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
141	Rơ le	JD1329 3735080-L20PA; 12V; 60A	Xe ISUZU KV600		Cái	2			
142	Rơ le bán dẫn	GTJ48-20A	Lò sấy D-27YH1S009b		Cái	1			
143	Rơ le bảo vệ	VR-H4116; 24VDC	Mỏ đốt A-18YH1S010; A-18YH1S007		Cái	2			
144	Rơ le trung gian	MY4SN; điện áp cuộn hút: 48VAC, 4 NO+4NC, kèm chân đế	Cầu trục A-17YH1S007		Cái	16			
145	Sạc pin lithium	60V; 5A	Thay sạc cho xe điện XĐTK-01		Cái	1			
146	Thanh ray lấy điện	1P-200A (4m/ cây, bao gồm phụ kiện kèm theo)	Cầu trục cáp than trong nhà C02R1S010a/b		Cái	4			
147	Cảm biến nhiệt độ	Pt100; Ø7xD1x250mm; -200-450°C; P/N: 20110918315	Lò sấy D-27YH1S009b		Cái	1			
148	Dây mayso	Ø5mm; tiết diện dây Ø0.5mm, bước lò xo 2.5mm, L= 2100mm; vật liệu Cr25Al5	Lò sấy D-27YH1S009b		Mét	10			
149	Động cơ	Nam châm điện rung AC 220V, 50Hz biên độ rung 3±1mm, 12W điện từ vĩnh cửu phiên bản 12.02 kích thước động cơ D=50mm H=60mm. phù hợp với thiết bị kiểm tra góc model ISPF-5	Thiết bị kiểm tra góc D-27YH1S016		Cái	1			
150	Mạch điều khiển	Bộ điều khiển rung phiên bản 2.0 (Vibration controller V2.0) phù hợp với thiết bị kiểm tra góc model ISPF-5	Thiết bị kiểm tra góc D-27YH1S016		Cái	1			
151	Bơm dầu	SNBY 5/8 TX; 300-2000v/ph	Công trục B-02R1S011a,b		Cái	4			
152	Thép gân đặc	Ø12x6000mm; vật liệu CT3	Gia cố lưới sàng chắn rác bể cô đặc TH101~102		Cây	5			
153	Thép hộp	60x80x6000x2mm; Vật liệu CT3	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khu vực A-01,A-02,A-04,A-05,A-06		Cây	15			
154	Cơ 90 độ	Ø160mm; PN10; Vật liệu uPVC	Hệ thống rửa mẫu vật lý dung dịch		Cái	1			
155	Dầu lạnh	PAG 100	Thiết bị cơ giới		Lít	3			
156	Đai treo tủ	Trụ Điện DTD-200; 1.2mm; sơn tĩnh điện	Sửa chữa chiếu sáng kho quặng nguyên khai		Cái	6			
157	Gối cách nhiệt ống	Ø219mm; vật liệu THERMO-E-GlasgewebeTG 1250/9P V4A,G-Tec; độ dày lớp bảo ôn 125mm; rộng 600mm	Bộ gia nhiệt ống chùm A-06YH1S001a, b; Bồn tách hơi A-06YH1S004, S005, S006		Cái	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
158	Gối cách nhiệt ống	Ø325mm; vật liệu THERMO-E-GlasgewebeTG 1250/9P V4A,G-Tec; độ dày lớp bảo ôn 125mm; rộng 600mm	Bộ gia nhiệt ống chùm A-06YH1S001a, b; Bồn tách hơi A-06YH1S004, S005, S006		Cái	5			
159	Gối cách nhiệt ống	Ø346mm; vật liệu THERMO-E-GlasgewebeTG 1250/9P V4A,G-Tec; độ dày lớp bảo ôn 125mm; rộng 600mm	Bộ gia nhiệt ống chùm A-06YH1S001a, b; Bồn tách hơi A-06YH1S004, S005, S006		Cái	6			
160	Gối cách nhiệt ống	Ø356mm; vật liệu THERMO-E-GlasgewebeTG 1250/9P V4A,G-Tec; độ dày lớp bảo ôn 125mm; rộng 600mm	Bộ gia nhiệt ống chùm A-06YH1S001a, b; Bồn tách hơi A-06YH1S004, S005, S006		Cái	1			
161	Gối cách nhiệt ống	Ø406mm; vật liệu THERMO-E-GlasgewebeTG 1250/9P V4A,G-Tec; độ dày lớp bảo ôn 125mm; rộng 600mm	Bộ gia nhiệt ống chùm A-06YH1S001a, b; Bồn tách hơi A-06YH1S004, S005, S006		Cái	5			
162	Hộp nối dây điện	Loại 3 công dùng cho ống Ø25 có vít vặn; Vật liệu SUS304	Sửa chữa hệ thống chiếu sáng khu vực C08, C07		Cái	20			
163	Khớp nối ống ren	Ø33.4x2.77mm; trong M16; Vật liệu SUS304	Sửa chữa đường ống khí nén C02		Cái	1			
164	Lò xo nén	Ø7.7xØ1x25mm; P=1.5mm	Phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị		Cái	46			
165	Lọc hơi	M36x1.5; max 14bar	Xe cầu tự hành Thaco 5 tấn		Cái	1			
166	Ống nhựa	Ø150x4000mm; dày 9mm; Vật liệu uPVC	Hệ thống rửa mẫu vật lý dung dịch		Cây	1			
167	Túi bọc bảo ôn	Lớp bông cách nhiệt rockwool với tỷ trọng 80 kg/m ³ , bề dày 50mm, Bên ngoài túi bảo ôn nhiệt được bọc bằng túi vải thủy tinh (Fiber glass) có phủ silicon chống thấm nước. Dùng cho van chữ DN250, PN16, WCB, JS545Y-16C	Bọc bảo ôn van nhập liệu bồn rửa 1 A-08YH1S018a/b/c/d		Cái	3			
168	Túi bọc bảo ôn	Lớp bông cách nhiệt rockwool với tỷ trọng 80 kg/m ³ , bề dày 50mm, Bên ngoài túi bảo ôn nhiệt được bọc bằng túi vải thủy tinh (Fiber glass) có phủ silicon chống thấm nước. Dùng cho van chữ DN400, PN16, WCB, JS545Y-16C	Bọc bảo ôn van nhập liệu bồn lắng A-08YH1S013a/b/c/d		Cái	4			
169	Lọc gió điều hòa ngoài	71LM-00290	Xe xúc lật Hyundai HL760-9S 03, 04, 05		Cái	6			
170	Lọc thủy lực	Ø42x220mm	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01, 02		Cái	2			
171	Bầu hơi	3519110-L50PA; Lắp cho xe quét đường ISUZU	Xe ISUZU KV600		Cái	2			
172	Bơm tay ben thùng	XSB-10; Lắp cho xe quét đường ISUZU	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
173	Miệng hút bụi rác	300x1200mm	Xe ISUZU KV600		Cái	1			
174	Tay lốc kê	8708.35.37.310	Lắp cho xe MAZ		Cái	1			
175	Tổng côn dưới	Lắp cho xe MAZ 6312B5-8475-740P1	Lắp cho xe MAZ		Cái	1			
176	Tổng côn trên	Lắp cho xe MAZ 6312B5-8475-740P1	Lắp cho xe MAZ		Cái	1			

STT	Tên, chủng loại vật tư	Ký mã hiệu, Quy cách/thông số kỹ thuật	Đối tượng sử dụng/Mục đích sử dụng	Hãng sản xuất/Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiến độ cung cấp
177	Bộ bánh răng hành tinh	Bao gồm 1 bánh bao ngoài + 3 bánh răng hành tinh + 1 bánh ngoài trời; lắp đặt cho xe xúc lật Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 01		Bộ	4			
178	Bổ thặng xe nâng	320x62x8mm	Phục vụ công tác sửa chữa xe nâng XN03		Miếng	4			
179	Đĩa côn đã tán bố côn	Thông số theo xe nâng Lonking FD20	Xe nâng Lonking FD20 02/04		Bộ	2			
180	Gioăng nắp máy	QUANCHAI QC490GP	Xe nâng Lonking FD20 02		Bộ	1			
181	Hộp số	ZL10F; Lắp đặt cho xe xúc lật 0.83m3 Lonking LG8025B	Xe xúc lật Lonking LG8025B 02		Cái	1			
182	Két nước	Thông số theo xe nâng Lonking FD20	Thay thế két nước cho xe nâng XN-01		Cái	1			
183	Bộ hộp số lai bơm	Lắp cho hộp số: 653- 1300-00	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
184	Chia hơi	Ø8mm; loại 3 đầu, chữ T; vật liệu: nhựa	Xe cầu Thaco ollin 700A, xe tưới nước Maz		Cái	20			
185	Ống gas	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC số khung RNHA 420AEC029529; 2 cái/bộ	Xe cầu Thaco ollin 700A		Bộ	1			
186	Ống gas	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
187	Ty nâng cần	Theo xe cầu Thaco hiệu Ollin700A-CS/LT/TTCM-GC; lắp cầu mã SCS513	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
188	Trục các đăng bơm dầu thủy lực	Ø51x580mm; lắp cho hộp số: 653- 1300-00	Xe cầu Thaco ollin 700A		Cái	1			
Tổng cộng trước thuế								0	
Thuế VAT								0	
Tổng cộng sau thuế								0	